TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/HS-PT
Ngày 11-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng.

Bà Huỳnh Thanh Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 457/2018/TLPT-HS ngày 08 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Diệp Minh T do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- *Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:* Diệp Minh T sinh ngày 26 tháng 9 năm 1979 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Diệp Thành S và bà Trần Thị Thu L; có chồng là ông Lai Chí T2 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh ngày 26 tháng 7 năm 2017); tiền án, tiền sự: không; được tại ngoại (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lai Chí T2; sinh năm 1976; nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Võ Thanh K là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền lợi cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lai Chí T2:* Ông Phạm Văn S1 là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra, có 61 bị hại không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2008, bị cáo Diệp Minh T mở tiệm kinh doanh dịch vụ tiệc cưới và trang điểm tại số 182 Đường 3/2, Khóm 4, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Trà Vinh. Ngoài ra, bị cáo còn tổ chức (đầu thảo) nhiều dây hụi tháng để lấy tiền huê hồng với các hụi viên là người dân ở huyện T1. Do không có vốn, bị cáo T vay tiền của người quen để kinh doanh và tiêu xài cá nhân. Đến tháng 8 năm 2014, bị cáo T nợ nhiều người với tổng số tiền 4.600.000.000 đồng, mỗi tháng phải trả lãi 227.350.000 đồng. Trong khi đó, lợi nhuận kinh doanh và tiền huê hồng làm đầu thảo hụi khoảng từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng một tháng.

Bị cáo T tiếp tục vay tiền của nhiều người với số tiền lớn hơn để đóng tiền lãi cho số tiền đã vay trước. Bị cáo mở các dây hụi, mỗi tháng khui hụi một lần, mỗi phần từ 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, mỗi dây hụi có từ 24 đến 31 phần. Lợi dụng việc hụi viên tin tưởng, không tham gia khui hụi đầy đủ, không lấy danh sách hụi, nhiều hụi viên thường xuyên gửi thâm để khui hụi giùm, không ai kiểm tra cụ thể từng phần hụi trong một dây, bị cáo T liên tục mở các dây hụi mới, đặt tên khống nhiều phần, tự ý lấy tên hụi viên tham gia thật hốt hụi, chiếm đoạt tiền để trả tiền vay, mua sắm trang thiết bị phục vụ kinh doanh và tiêu xài cá nhân. Đến tháng 9 năm 2016, bị cáo T không còn khả năng trả tiền gốc, lãi cho các khoản nợ đã vay và giao tiền cho các hụi viên hốt hụi nên tuyên bố vỡ hụi.

Quá trình điều tra xác định trong thời gian từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 9 năm 2016, bị cáo T đã tổ chức 11 dây hụi, chiếm đoạt tiền của các hụi viên 6.991.760.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo T vay tiền của bà Ngô Thị T3, các ông Thạch B, Nguyễn Khả M và Kim Sa N tổng cộng 5.480.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt từ tiền hụi và tiền vay của tổng cộng 61 bị hại là 12.471.760.000 (mười hai tỷ, bốn trăm bảy mươi mốt triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh đã kê biên tài sản và tạm giữ đồ vật, tài liệu của bị cáo T trong đó có 01 xe ô tô con nhãn hiệu H, số loại C, số máy R, số khung R1, màu sơn trắng, biển số X, do Diệp Minh T đứng tên chủ sở hữu giao cho Diệp Minh T quản lý và 01 Giấy đăng ký xe ô tô số 004441, biển kiểm soát X mang tên Diệp Minh T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Diệp Minh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Diệp Minh T 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Tiếp tục kê biên, giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án: 01 xe ô tô con nhãn hiệu H, số loại C số máy R, số khung R1 màu sơn trắng, biển số X, do Diệp Minh T đứng tên chủ sở hữu.

Buộc bị cáo Diệp Minh T giao nộp cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý 01 xe ô tô con nhãn hiệu H, số loại C số máy R, số khung R1 màu sơn trắng, biển số X, do Diệp Minh T đứng tên chủ sở hữu.

Giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý 01 giấy đăng ký xe ô tô số 004441, biển kiểm soát X mang tên Diệp Minh T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng khác, lãi suất nếu chậm thi hành án, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, bị cáo Diệp Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, ông Lai Chí T2 kháng cáo không đồng ý kê biên toàn bộ chiếc xe ô tô X để đảm bảo thi hành án vì đó là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông với bị cáo Diệp Minh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết kháng cáo của bị cáo và ông Lai Chí T2 như sau:

Từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 6 năm 2016, bị cáo Diệp Minh T mở 11 dây hụi (loại hụi tháng), mỗi tháng khui hụi một lần, giá hụi mỗi phần từ 5.000.000đ (năm triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), mỗi dây hụi có từ 24 đến 31 phần, tự kê khống nhiều phần hụi trong các dây hụi mới. Khi mở hụi bị cáo T kêu hốt các phần hụi khống đã kê. Ngoài ra, do hụi viên không quan tâm đến việc khui hụi nên bị cáo T tiếp tục lấy tên của hụi viên tham gia thật để hốt hụi cho cá nhân. Đến tháng 9 năm 2016, bị cáo T không còn khả năng chi trả tiền gốc và tiền lãi cho các khoản nợ đã vay và các phần hụi nên tuyên bố vỡ hụi, chiếm đoạt của các hụi viên 6.991.760.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo T còn vay, mượn tiền của 04 người với tổng số 5.480.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T chiếm đoạt của các bị hại là 12.471.760.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng

nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo 20 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án, không có tình tiết gì mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo T.

Ông Lai Chí T2 kháng cáo việc xử lý xe ô tô biển số X do bị cáo T đứng tên chủ sở hữu là tài sản chung của vợ chồng nên không dùng để thực hiện trách nhiệm dân sự riêng đối với bị cáo T. Tuy nhiên, bị cáo khai nhận tiền chiếm đoạt một phần có sử dụng vào kinh doanh và chi tiêu trong sinh hoạt gia đình nên nợ trong thời kỳ hôn nhân trong trường hợp này là nợ chung nên tài sản chung của vợ chồng cũng phải dùng để thanh toán nợ chung. Tài sản xe ô tô biển số X có trong thời kỳ hôn nhân từ năm 2011, đứng tên sở hữu là bị cáo T do vợ chồng sử dụng cho đến ngày bị cáo phạm tội. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đồng ý phát mãi tài sản để thanh toán tiền chiếm đoạt cho các bị hại. Người liên quan Lai Chí T2 không chứng minh được phần tài sản của mình trong chiếc xe ô tô và cũng không có lời khai nào của bị cáo T xác nhận về việc này nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông T2.

Vì các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Diệp Minh T và phần xử lý chiếc xe ô tô biển số X.

Luật sư Võ Thanh K phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo T:

Bản án sơ thẩm đánh giá vụ án đã khách quan. Tuy nhiên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau:

Toà án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo ăn năn hối cải giúp cho cơ quan điều tra sớm kết thúc vụ án nhưng lại không áp dụng điểm d khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo. Đồng thời, 23 bị hại được bị cáo khắc phục hậu quả, đã xin giảm hình phạt cho bị cáo nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Ngoài ra, ông T2 đồng ý sử dụng 50% giá trị tài sản là quyền sử dụng đất để khắc phục hậu quả giúp bị cáo. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T thống nhất với quan điểm của người bào chữa và không bổ sung ý kiến. Khi nói lời sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để cố gắng chấp hành tốt, sớm thi hành xong về khắc phục hậu quả cho các bị hại.

Luật sư Phạm Văn S1 phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo T giao nộp cho Cơ quan thi hành án dân sự chiếc xe xe H, số loại C là không đúng vì xe này là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông T2 và bị cáo T, được tạo lập từ thời điểm kết hôn là trước khi xảy ra vụ án. Chiếc xe không phải là vật chứng của vụ án nên không đủ cơ sở để thu giữ chiếc xe. Đồng thời, chiếc xe này là nguồn thu nhập chính của gia đình ông T2 hiện nay. Do đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử

phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Lai Chí T2, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng kê biên một nửa gía trị chiếc xe ô tô X để đảm bảo thi hành án (phần của bị cáo T).

Ông T2 thống nhất với quan điểm của Luật sư Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo thừa nhận đã lập 11 dây hụi để chiếm đoạt của các bị hại tổng cộng 6.991.760.000 đồng và vay rồi chiếm đoạt của 4 bị hại tổng cộng 5.480.000.000 đồng (Tổng cộng chiếm đoạt của 61 bị hại 12.471.760.000 đồng). Do vậy, có cơ sở xác định bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) như Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định.

[2] Ý thức chiếm đoạt tài sản của những người bị hại đã có từ khi bị cáo thành lập dây hụi, đưa ra những thông tin gian dối để huy động người gửi tiền chơi hụi với bị cáo và từ khi bị cáo thực hiện giao dịch vay tiền của 04 bị hại. Bị cáo sử dụng tiền của người tham gia sau trả cho người tham gia trước và tiêu xài cá nhân. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo chiếm đoạt của của 61 bị hại 12.471.760.000 đồng là có cơ sở. Các cơ quan tiến hành tố tụng không thể trừ số tiền bị cáo khắc phục hậu quả để xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại.

[3] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân, làm mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự, là người thuộc thành phần lao động, phải nuôi con nhỏ, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả, được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và có cậu ruột là người có công với nước nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo là đúng.

[4] Với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo như phân tích trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm phạt bị cáo 20 năm tù là chiếu cố bị cáo. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết mới để giảm hình phạt cho bị cáo (Việc bị cáo giúp cho cơ quan điều tra sớm kết thúc vụ án như Luật sư trình bày thực chất là tình tiết thật thà khai báo, ăn năn hối cải mà bị cáo đã được hưởng). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và quan điểm của người bào chữa cho bị cáo.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T2 đồng ý dùng thửa đất số 181, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Trà Vinh (Theo ông T2

có giá trị dưới 100 triệu đồng) để trả nợ thay cho bị cáo T nhưng không đồng ý dùng chiếc xe (Theo ông T2, giá trị chiếc xe khoảng trên 400 triệu đồng) để trả nợ giúp bị cáo. Hội đồng xét xử sơ thẩm, phúc thẩm đang giải quyết vụ án hình sự đối với bị cáo T và trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với các bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tiếp tục kê biên xe ô tô H C biển số X do bị cáo đứng tên chủ sở hữu để đảm bảo thi hành án trong vụ án hình sự là có căn cứ. Quan hệ hôn nhân, sở hữu tài sản chung của bị cáo và ông T2 nằm ngoài phạm vi giải quyết vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết yêu cầu của ông T2 trong cùng một vụ án hình sự với bị cáo T. Ông T2 có quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết kháng cáo của bị cáo và của ông T2 phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Các quan điểm khác với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm không được chấp nhận.

[7] Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này (Sau đây viết là Nghị quyết 326).

[8] Kháng cáo của ông T2 không được chấp nhận nên ông T2 phải chịu án phí phúc thẩm trong vụ án hình sự theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 344, Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Diệp Minh T và ông Lai Chí T2, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Tuyên bố bị cáo Diệp Minh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Diệp Minh T 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Tiếp tục kê biên, giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo thi hành án 01 xe ô tô con nhãn hiệu H, số loại C số máy R, số khung R1 màu sơn trắng, biển số X, do bị cáo Diệp Minh T đứng tên chủ sở hữu.

Buộc bị cáo Diệp Minh T giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh 01 xe ô tô con nhãn hiệu H, số loại C số máy R, số khung R1 màu sơn trắng, biển số X, do bị cáo Diệp Minh T đứng tên chủ sở hữu.

Giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý 01 Giấy đăng ký xe ô tô số 004441, biển kiểm soát X mang tên bị cáo Diệp Minh T.

Bị cáo Diệp Minh T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Ông Lai Chí T2 phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án hình sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Công an tỉnh Trà Vinh;
- Những người tham gia tố tụng (4);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, PMT, 16.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng An Thanh